

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST

Ngày: 23 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Riêng

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Đây

Bà Phước Thị Kim Huê

-Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/4/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/HSST-QĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Văn A (tên gọi khác: N), sinh năm 1995 tại huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn Th, sinh năm 1962 và bà Võ Thị O, sinh năm 1963; anh, chị em ruột có 06 người, lớn nhất sinh năm 1989 và nhỏ nhất sinh năm 2005; Hiện sống chung như vợ chồng với chị Trần Thị Bích Ph, sinh năm 1999; Con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tuyên phạt 08 (tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số: 59/2017/HSST ngày 19/12/2017, tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 07/5/2019 bị Công an huyện Trà Cú xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số: 94/QĐ-XPVPHC về hành vi "Sử dụng tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó là do vi phạm pháp luật mà có" với số tiền 3.500.000 đồng; Có nhân thân xấu; Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/10/2019 đến ngày 01/11/2019 chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn A là bà Trần Thị Hợp -Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt);

2. Đoàn Văn V (tên gọi khác: D), sinh năm 1997 tại huyện T , tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp B, xã T , huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn Th, sinh năm 1962 và bà Võ Thị O, sinh năm 1963; anh, chị em ruột có 06 người, lớn nhất sinh năm 1989 và nhỏ nhất sinh năm 2005; Hiện sống chung như vợ chồng với chị Sơn Thị M (tên gọi khác Th), sinh năm 1990; Con: Không có; tiền án: Có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tuyên phạt 08 (tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số:12/2018/HSST ngày 19/3/2018, tiền sự: Không có; Có nhân thân xấu; Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/10/2019 đến ngày 01/11/2019 chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn V là ông Trần Minh Nhật -Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt);

- *Bị hại:* Ông Thạch G, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Thạch G là bà Võ Thanh Lừng - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Sơn Thị M (tên gọi khác: Th), sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- ***Người tham gia tố tụng khác:***

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị Trúc X, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Lâm Thanh Ng, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Nguyễn Vũ B, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/10/2019, Đoàn Văn A, Đoàn Văn V và Sơn Thị M cùng rủ nhau đến nơi buôn bán của bà Trần Thị Trúc X để chơi. Khi đi, A điều khiển xe mô tô biển số 84G1 - 56.214, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đỏ đen, loại xe EXCITER của bà M, chở V ngồi giữa, M ngồi sau. Khi đến nơi, A và V cùng nhau uống rượu, riêng bà M thì phụ bà X bán khô cho khách. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, A và V uống được khoảng 1,5 lít rượu trắng thì nghỉ uống và rủ nhau về nhà của V để ngủ. Khi ra về, bị cáo A tiếp tục điều khiển xe mô tô nêu trên chở bị cáo V và bà M đi theo hướng Quốc lộ 53, thuộc thị trấn T, huyện T về hướng ngã tư Sóc C, xã T, huyện T. Sau đó,

rẽ phải đi theo Hương lộ 36 về hướng ấp B, xã T để về nhà của V. Trên đường về, cách nhà của bị cáo V khoảng 100m, A nhìn thấy ông G đang ngồi một mình trên xe mô tô, biển số 84H1 - 4266, nhãn hiệu DAZE, màu xanh, xe ông G đang dừng trên lề lộ nhựa phía bên phải cùng chiều đi của xe A đang điều khiển, ông G đang gọi điện thoại cho bạn gái. Sau khi điều khiển xe qua khỏi ông G khoảng 40m thì A quay đầu xe lại xem có phải là người quen hay không. Lúc này A dừng xe ngược chiều và cặp song song với xe của ông G, khi biết ông G không phải là người quen, nên A hỏi ông G với nội dung là nhà ở đâu, lý do vì sao chưa về nhà và kêu ông G về, nhưng ông G không nói gì mà chỉ gật đầu. Sau khi hỏi xong A quay đầu xe tiếp tục chở V và bà M về. Khi về đến nhà của V, A dựng xe mô tô phía ngoài sân nhà, bà M thì vào bên trong giếng mừng và đi ngủ. Riêng A thì nhớ lại sự việc lúc gặp ông G, biết ông G ở đó có một mình, giữa đường vắng, đêm khuya, không người qua lại và đang sử dụng điện thoại di động nên A đã nảy sinh ý định cướp cái điện thoại di động của ông G về sử dụng. Do đó, A nói với V nội dung là “cho tao mượn xe đi lấy điện thoại của thằng hồi này”, khi nghe A nói vậy, V biết được A sẽ thực hiện hành vi chiếm đoạt điện thoại di động của ông G, nên V đã ngăn cản và nói với A là “khùng hả”. Nhưng A vẫn tỏ thái độ cương quyết muốn đi cướp điện thoại của ông G nên tiếp tục nói với V là “để tao đi”. Lúc này, V đồng ý giúp A và trả lời với nội dung “mày muốn đi đâu, tao chở mày đi”. Do sợ bị người khác phát hiện biển số xe, A nói với V là “mày kiểm đồ bịt biển số xe lại”. Sau đó, V đến cái kệ để tivi tại nhà trước lấy một cái khẩu trang, loại khẩu trang y tế màu đen, sau đó kéo hai dây đeo của khẩu trang choàng qua 04 góc của biển số xe. Khi chuẩn bị xong, thì V điều khiển xe mô tô chở A đi theo Hương lộ 36 hướng về thị trấn T để tìm gặp ông G. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 28/10/2019, A nhìn thấy ông G vẫn còn ở địa điểm như lúc gặp trước đó. Sau đó, V điều khiển xe sang lề trái hướng từ ấp B, xã T về thị trấn T, huyện T và dừng xe ngược chiều với xe mô tô của ông G, hai xe cách nhau khoảng 70cm, V ngồi trên xe và tắt máy, đèn xe vẫn còn sáng. Lúc này, A bước xuống xe đi đến chỗ ông G đang ngồi trên xe và đang sử dụng điện thoại, A đứng đối diện lệch về phía bên trái tay cầm xe mô tô của ông G và để thuận lợi cho việc cướp cái điện thoại, A tạo ra nguyên cơ nhằm uy hiếp tinh thần ông G bằng cách dùng tay trái nắm cổ áo của ông G, chửi ông G là “mày thiếu tiền tao, sao mày không trả”, ông G chưa kịp trả lời thì A tiếp tục dùng tay phải đánh hai cái vào vùng gò má trái của ông G nhưng không có thương tích gì, bị đánh ông G dùng tay phải gạt tay trái của A đang nắm cổ áo và dựng chân chống xe, hai tay của ông G nắm chặt cái điện thoại. Lúc này, A tiếp tục đi vòng qua phía đuôi xe mô tô của ông G, đứng phía sau lưng lệch về phía bên tay phải của ông G, rồi dùng tay phải nắm lấy cái điện thoại trên tay của ông G, hai người giằng co qua lại thì A giật được điện thoại từ tay ông G. Sau khi cướp được điện thoại, A lên xe để V chở đi về hướng thị trấn T, vì sợ bị phát hiện nên A kêu V điều khiển xe đi theo lộ nhựa nông thôn từ ấp B, xã T về ấp C, xã N vòng về ấp B, xã T để về nhà của V. Trên đường về, A ngồi phía sau xe khom người tháo cái khẩu trang đang bịt biển số xe và tháo một cái ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu trắng trong và một tờ tiền 500đ (năm trăm đồng) để giữa điện thoại và vứt bỏ trên đường.

Khi về đến nhà của V, do không biết chỗ cất giấu điện thoại và sợ bị phát hiện nên A tắt nguồn điện thoại và đưa điện thoại cướp được cho V cất giấu, V đem cái điện thoại để trên cái va ly trong buồng ngủ của mình, rồi cả hai đi ngủ. Đến sáng khi thức dậy, V lấy cái điện thoại tháo sim của ông G ra, định gắn sim điện thoại của V vào để sử dụng, nhưng điện thoại có mật khẩu, không sử dụng được. Sau đó, V tiếp tục tắt nguồn và đem điện thoại cất giấu vào chỗ cũ, riêng cái sim điện thoại của ông G thì V không gắn trở lại điện thoại và làm thất lạc mất.

Sau khi bị cướp mất điện thoại thì ngày 28/10/2019, ông G đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú trình báo sự việc. Sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành điều tra, xác minh đã xác định được A và V là đối tượng thực hiện hành vi cướp tài sản. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Cú, A và V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đã giao nộp lại một điện thoại di động nhãn hiệu realme C2, màu đen, số IMEI 1: 861599041609297, số IMEI 2: 861599041609289, không có sim trong máy cho Cơ quan điều tra để tạm giữ.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 54, ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện Trà Cú, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C2, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 861599041609297, số IMEI 2: 861599041609289 đã qua sử dụng khoảng 01 tháng, giá trị sử dụng còn lại 90%, có giá là 2.331.000đ (hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng).

Về vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại di động hiệu realme C2 màu đen, loại màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 861599041609297, IMEI 2: 861599041609289, không có sim trong máy, điện thoại đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 84 G1 – 56.241, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đỏ đen;

Đối với vật chứng nêu trên vào ngày 12/11/2019 và ngày 17/12/2019 đã trả xong cho ông Thạch G và bà Sơn Thị M quản lý, sử dụng.

Tại cáo trạng số: 07/CT-VKS- HS ngày 21/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã truy tố các bị cáo: Đoàn Văn A và Đoàn Văn V phạm vào tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Đoàn Văn A và Đoàn Văn V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 và khai nhận những lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra là do các bị cáo tự nguyện khai nhận cũng như toàn bộ nội dung mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú mô tả về hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo là hoàn toàn đúng đắn, các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn A và Đoàn Văn V phạm tội "Cướp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Văn A từ 04 (Bốn) năm đến 05 (năm) năm tù. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn V từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của Vị trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo A đều thống nhất với nội dung Cáo trạng và lời luận tội của Vị đại Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú về tội danh và mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo A. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo có trình độ học vấn thấp; bị cáo thuộc diện cận nghèo và gia đình có công với cách mạng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Từ đó, Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Quan điểm của Vị trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo V đều thống nhất với nội dung Cáo trạng và lời luận tội của Vị đại Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú về tội danh và mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo V. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo trình độ học vấn thấp; bị cáo thuộc diện hộ nghèo và gia đình có công với cách mạng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Từ đó, Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt khung thấp nhất cho bị cáo.

- Quan điểm của Luật sư Võ Thanh Lừng cộng tác viên là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Thạch G đều thống nhất với Kiểm sát viên về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo là đúng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hình sự theo quy định của pháp luật và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Các bị cáo Đoàn Văn A và Đoàn Văn V không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Các bị cáo Đoàn Văn A và Đoàn Văn V xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại

phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 28/10/2019, tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh bị cáo Đoàn Văn A dùng vũ lực chiếm đoạt một điện thoại di động nhãn hiệu Realme C2, màu đen, màn hình cảm ứng, một cái ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu trắng trong và một tờ tiền mặt mệnh giá 500đ (Năm trăm đồng) của ông Thạch G, với giá trị 2.331.000 đ (hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng). Hành vi của bị cáo tạo ra nguyên cơ nhằm uy hiếp tinh thần bị hại bằng cách dùng tay trái nắm cổ áo của bị hại, chửi bị hại là “mày thiếu tiền tao, sao mày không trả”, bị hại chưa kịp trả lời thì bị cáo tiếp tục dùng tay phải đánh hai cái vào vùng gò má trái của bị hại nhưng không có thương tích gì, bị đánh bị hại dùng tay phải gạt tay trái của bị cáo đang nắm cổ áo và dựng chân chống xe, hai tay của bị hại nắm chặt cái điện thoại. Lúc này, bị cáo tiếp tục đi vòng qua phía đuôi xe mô tô của bị hại, đứng phía sau lưng lệch về phía bên tay phải của bị hại, rồi dùng tay phải nắm lấy cái điện thoại trên tay của bị hại, hai người giằng co qua lại thì bị cáo giật được điện thoại từ tay bị hại. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi thực hiện của bị cáo Đoàn Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Đoàn Văn V là người trực tiếp giúp sức cho bị cáo A thực hiện hành vi cướp tài sản. Cụ thể bị cáo là người biết rõ, khi bị cáo A mượn xe của bà M và nói "cho tao mượn xe đi lấy điện thoại của thằng hồi nãy" mặc dù, bị cáo A không nói rõ sẽ cướp cái điện thoại bằng cách nào, nhưng bị cáo biết được A sẽ thực hiện hành vi chiếm đoạt cái điện thoại của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cũng đồng ý giúp sức cho bị cáo A thực hiện hành vi bằng cách sử dụng một cái khẩu trang y tế màu đen bịt biển số xe lại tránh bị người khác phát hiện và sử dụng xe mô tô của bà M chở bị cáo A đi cướp cái điện thoại của bị hại. Hành vi của bị cáo giúp sức cho bị cáo A thực hiện hành vi cướp tài sản của người khác. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đoàn Văn V phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm với bị cáo Đoàn Văn A về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

[2] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý, sở hữu tài sản, đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho người dân, các bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với ý thức coi thường pháp luật đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người bị hại. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân, muốn có điện thoại sử dụng mà

không phải bỏ sức, mồ hôi, tiền của nên các bị cáo bắt chấp thủ đoạn chiếm hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Từ đó thể hiện tính xem thường pháp luật của từng bị cáo như: Bị cáo A là người chủ động rủ rê lôi kéo bị cáo V thực hiện việc cướp tài sản và trước đó bị cáo đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xử phạt 08 (tám) tháng tù và 01 tiền sự, bị Công an huyện Trà Cú xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó là do vi phạm pháp luật mà có” với số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục cướp tài sản là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được quy định tại Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo V là người trực tiếp giúp sức cho bị cáo A thực hiện hành vi cướp tài sản, mặc dù, bị cáo A không nói rõ sẽ cướp cái điện thoại bằng cách nào, nhưng lại bị cáo cũng đồng ý giúp sức chở bị cáo A thực hiện hành vi bằng cách sử dụng một cái khẩu trang y tế màu đen bịt biển số xe lại tránh bị người khác phát hiện và sử dụng xe mô tô của bà M chở bị cáo A đi cướp cái điện thoại của bị hại và bị cáo đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xử phạt 08 (tám) tháng tù chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục cướp tài sản là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được quy định tại Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Qua đó đã thể hiện các bị cáo có nhân thân xấu, vì đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, việc xem xét quyết định hình phạt tù có thời hạn cho các bị cáo A và V là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xét xử các bị cáo thật nghiêm phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung cho mọi người, có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu phục vụ tình hình chính trị tại địa phương.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo thấy rằng quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, các bị cáo thuộc diện cận nghèo và gia đình có công với cách mạng và tại phiên tòa hôm nay được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị hại Thạch G, trong quá trình bị cướp điện thoại di động, thì bị cáo Đoàn Văn A đã có hành vi dùng tay đánh vào vùng gò má trái nhưng không có gây ra thương tích nên ông G không đi khám và làm đơn không yêu cầu giám định tỉ lệ thương tật và một cái ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu trắng trong và một tờ tiền 500 đồng bị mất, bị hại ông G không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Riêng đối với bà Sơn Thị M vào thời gian xảy ra vụ án, bị cáo V đã tự ý lấy xe mô tô biển số: 84G1 - 56.214 do bà M đứng tên chủ sở hữu để chở bị cáo A thực hiện hành vi cướp tài sản nên bà M hoàn toàn không hay biết. Do đó, không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà M.

[3] Vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại di động hiệu realme C2 màu đen, loại màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 861599041609297, IMEI 2:

861599041609289, không có sim trong máy, điện thoại đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 84 G1 – 56.241, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đỏ đen đã trả cho chủ sở hữu ông G và bà M xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là tương xứng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo; về xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo A và V và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Thạch G là có cơ sở nghĩ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo Đoàn Văn A và Đoàn Văn V phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Trà Cú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 326; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn A (tên gọi khác: N) và Đoàn Văn V (tên gọi khác: D) phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn A (tên gọi khác: N) 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2019.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn V (tên gọi khác: D) 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

- Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho chủ sở hữu xong, không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đoàn Văn A và Đoàn Văn V mỗi người phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CA huyện Trà Cú;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- Những người TGGT;
- Lưu.

(Đã Ký)

Kim Riêng